

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn
giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 43/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm; Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020;

Căn cứ Quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Công văn số 8836/BKHĐT-TH ngày 24/10/2016 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc dự kiến phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 và năm 2017;

Căn cứ Nghị quyết số 145/2015/NQ-HĐND ngày 11/12/2015 của HĐND tỉnh về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016 - 2020; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh Hóa.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Thanh hóa với những nội dung sau:

Tổng kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 của tỉnh là 27.079.715 triệu đồng, bao gồm:

I. Vốn cân đối ngân sách tỉnh: 12.620.369 triệu đồng.

1. Vốn dự phòng (10%): 1.262.037 triệu đồng.

2. Vốn phân bổ chi tiết (90%): 11.358.332 triệu đồng.
- Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí: 7.077.032 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất: 4.230.000 triệu đồng.
 - Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 51.300 triệu đồng.

(Chi tiết có phụ lục kèm theo)

II. Vốn ngân sách Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ: 14.459.346 triệu đồng

Sau khi có quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, tham mưu cho UBND tỉnh xem xét, thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh thông qua trước khi giao kế hoạch chi tiết cho từng chương trình, dự án để các ngành, đơn vị liên quan và chủ đầu tư triển khai thực hiện theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các ngành, đơn vị liên quan, căn cứ Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 08/12/2016 của HĐND tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020; nội dung phê duyệt tại Điều 1 của Quyết định này và các quy định hiện hành của pháp luật, cụ thể hóa kế hoạch, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định để tổ chức triển khai thực hiện.

2. Trên cơ sở Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 được UBND tỉnh giao, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố, định kỳ báo cáo tình hình thực hiện của ngành, địa phương, đơn vị mình, gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh, HĐND tỉnh theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 29/12/2016.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ (để thực hiện);
- Văn phòng Chính phủ (để b/cáo);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính (để b/c);
- TTr. Tỉnh ủy, TTr. HĐND tỉnh (để b/cáo);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở: KH&ĐT, TC;
- Kho bạc Nhà nước tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu: VT, THKH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đình Xứng

Phụ lục: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2016 - 2020
(Kèm theo Quyết định số: **4878** /2016/QĐ-UBND ngày **19** tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh Thanh Hóa)

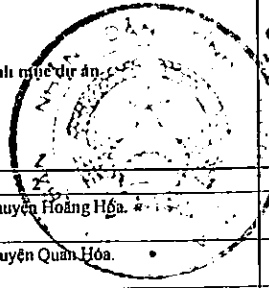
(Đơn vị tính: Triệu đồng)

Số TT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (I)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (I)		
I	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	TỔNG SỐ						13.051.416	12.620.369	3.219.047	2.788.000		
A	SỐ VỐN DỰ PHÒNG CHƯA PHÂN BỐ (10%)						1.262.037	1.262.037				
B	SỐ VỐN PHÂN BỐ CHI TIẾT (90%)						11.789.379	11.358.332	3.219.047	2.788.000		
I	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU SỬ DỤNG ĐẤT						4.230.000	4.230.000	1.500.000	1.500.000		
II	VỐN ĐẦU TƯ TỪ NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT						51.300	51.300				
							7.508.079	7.077.032	1.719.047	1.288.000		
III	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ						350.000	350.000	650	650		
III.1	Bố trí vốn để thực hiện Kế hoạch đầu tư xây dựng trụ sở làm việc Mặt trận tổ quốc, khối đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện và công sở xã trên địa bàn tỉnh											Thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 30/12/2015 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy.
III.2	Bố trí vốn cho để thanh toán cho Dự án phần kỳ đầu tư giai đoạn 1 đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu hình tế Nghi Sơn theo hình thức hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT)		4.355.374	4.355.374			500.000	500.000				Kết hợp với vốn tăng thu, kết dư, sắp xếp nhiệm vụ chi, vốn khai thác quỹ đất hàng năm của tỉnh và các nguồn huy động hợp pháp khác để thanh toán cho dự án theo Nghị quyết số 130/2015/NQ-HĐND ngày 17/7/2015 của HĐND tỉnh.
III.3	Bố trí vốn đối ứng cho các dự án sử dụng vốn ODA đầu tư trên địa bàn tỉnh						300.000	300.000	80.000	80.000		Kết hợp với nguồn vốn hỗ trợ từ NTW để bố trí cho các dự án theo tiến độ thực hiện.
III.4	Bố trí vốn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư công năm 2017						20.000	20.000				Xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2017.
III.5	Bố trí vốn thực hiện dự án		18.822.548	11.438.048	4.244.485	2.575.775	6.338.079	5.907.032	1.638.397	1.207.350		
(I)	Dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011 - 2015 sang bố trí vốn trong giai đoạn 2016 - 2020		8.586.666	6.078.607	4.244.485	2.575.775	2.473.432	2.145.151	1.141.133	812.852		
a	Dự án hoàn thành có quyết toán được duyệt		2.278.945	1.391.924	1.619.945	792.948	609.295	574.091	375.719	340.515		
1	Nhà làm việc các Ban Tỉnh ủy Thanh Hóa.	2152/QĐ-UBND ngày 21/6/2016	72.684	72.684	48.000	48.000	24.684	24.684	18.000	18.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
2	Sửa chữa, cải tạo Nhà khách Văn phòng Tỉnh ủy.	3746/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	3.893	1.893	2.000		1.893	1.893			Văn phòng Tỉnh ủy	
3	Đầu tư mua sắm, sửa chữa, cải tạo một số hạng mục công trình Trụ sở cơ quan Tỉnh ủy.	3745/QĐ-UBND ngày 28/9/2016	4.257	757	3.500		757	757			Văn phòng Tỉnh ủy	
4	Trung tâm y tế thành phố Thanh Hóa.	4120/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	39.572	37.746	17.500	17.000	20.746	20.746	12.000	12.000	Trung tâm y tế TP. Thanh Hoá	
5	Xây dựng công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật - Dự án cải tạo, nâng cấp và mở rộng Trung tâm Bảo trợ xã hội số 2.	3641/QĐ-UBND ngày 20/9/2016	7.862	7.862	1.499	1.499	6.363	6.363	1.000	1.000	Trung tâm bảo trợ xã hội số 2	
6	Đài chiến thắng trận đầu của Hải quân nhân dân Việt Nam.	4174/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	4.250	3.750	1.500	1.000	2.750	2.750	2.025	2.025	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
7	Cải tạo, sửa chữa tuyến đường phụ cận số 2 Thành Nhà Hồ.	278/QĐ-UBND ngày 01/4/2016	3.915	3.915	3.300	3.300	615	615			UBND huyện Vĩnh Lộc	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMBT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
			4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1		3										
8	Thư viện tỉnh Thanh Hóa.	4224/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	192.175	192.175	128.665	128.665	63.510	63.510	16.000	16.000	Thư viện tỉnh Thanh Hóa	
9	Đền thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	2695/QĐ-UBND ngày 20/7/2016	118.819	73.162	96.910	51.253	21.909	21.909			Sở Xây dựng	
10	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Mường Lát.	1342/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	4.912	4.912	1.000	1.000	3.912	3.912	2.700	2.700	UBND huyện Mường Lát	
11	Trạm bảo vệ thực vật thị xã Bim Sơn.	4240/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	4.093	4.093	900	900	3.193	3.193	2.600	2.600	Sở Nông nghiệp và PTNN	
12	Cảng số xã Thành Tâm, huyện Thạch Thành.	4295/QĐ-UBND ngày 27/10/2015	6.986	6.958	2.528	2.500	4.458	4.458			UBND xã Thành Tâm	
13	Công sở xã Cẩm Châu, huyện Cẩm Thủy.	4227/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	6.736	6.736	4.850	4.850	1.886	1.886	1.000	1.000	UBND xã Cẩm Châu	
14	Công sở UBND xã Quảng Thịnh, huyện Quảng Xương.	8281/QĐ-UBND ngày 16/9/2016	2.329	1.735	1.270	1.270	465	465			UBND xã Quảng Thịnh	
15	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường nội thành Hàng Đồng - Xuân Diệu, Minh Khai - Hà Văn Mao, thành phố Thanh Hóa.	4647/QĐ-UBND ngày 11/11/2015	11.392	11.392	10.729	10.729	663	663			UBND thành phố Thanh Hóa	
16	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Thành Thái, phường Đăng Thọ, thành phố Thanh Hoá.	3303/QĐ-UBND ngày 29/8/2016	11.492	11.492	8.980	8.980	2.512	2.512			UBND thành phố Thanh Hóa	
17	Đường Trần Hưng Đạo nối với QL1A, thị xã Bim Sơn.	4244/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	26.980	26.980	22.000	22.000	4.980	4.980			UBND thị xã Bim Sơn	
18	Cầu Đen, xã Hà Tiến, huyện Hà Trung.	2670/QĐ-UBND ngày 19/7/2016	9.355	9.355	2.500	2.500	6.855	6.855	5.800	5.800	UBND huyện Hà Trung	
19	Cầu Mắm Km12+822 tỉnh lộ 525, huyện Nông Cống.	5544/QĐ-UBND ngày 30/12/2015	19.162	19.162	15.600	15.600	3.562	3.562			Sở Giao thông Vận tải	
20	Chi phí chuẩn bị đầu tư dự án Đường cứu hộ cứu nạn ven biển từ xã Hải Châu đi xã Hải Hòa huyện Tĩnh Gia.	3231/QĐ-UBND ngày 17/9/2013	3.141	3.141	1.200	1.200	1.941	1.941			Sở Giao thông Vận tải	
21	Chi phí chuẩn bị đầu tư Dự án đường giao thông từ thị xã Bim Sơn qua Phố Cót đến Thạch Quảng, huyện Thạch Thành.	3146/QĐ-UBND ngày 22/8/2016	3.870	3.870	900	900	2.970	2.970			Sở Giao thông Vận tải	
22	Tu bổ đề và sân Hép xã Yên Tâm- Yên Giang, huyện Yên Định (2011).	4910/QĐ-UBND ngày 27/11/2015	7.027	6.718	4.150	4.150	2.568	2.568	1.300	1.300	UBND huyện Yên Định	
23	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi Thanh Hóa (GD 1).	4106/QĐ-UBND ngày 24/10/2016	72.492	52.492	35.085	20.000	37.407	22.492	14.915		Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật chăn nuôi Thanh Hóa	
24	Khu hội nghị huyện Lang Chánh.	3772/QĐ-UBND ngày 29/9/2015	27.605	27.605	9.956	9.956	17.649	17.649	15.016	15.016	UBND huyện Lang Chánh	
25	Trần liên hợp và đường hai đầu tràn sông Sào xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	3527/QĐ-UBND ngày 21/10/2014; 4250/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	88.736	32.852	47.383		38.352	32.852	19.072	13.572	UBND huyện Lang Chánh	
26	Cải tạo, nâng cấp đường Lý Tự Trọng, thị xã Sầm Sơn giai đoạn 2 (đoạn từ chân núi Trường Lệ đến đường Bà Triệu kéo dài).	3737/QĐ-UBND ngày 27/9/2016	31.656	2.640	24.906		2.640	2.640			UBND TX Sầm Sơn	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
27	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Lang Chánh.	2363- 2364/QĐ-UBND ngày 31/12/2015; 1998/QĐ-UBND ngày 30/9/2016 (của UBND huyện Lang Chánh); 4247/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	7.818	6.948	2.470	1.600	5.348	4.314	3.934	2.900	Huyện ủy Lang Chánh	
28	Trung tâm nghiên cứu và sản xuất giống thủy sản Thanh Hóa (không bao gồm hạng mục thiết bị).	4223/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	76.506	11.989	64.517		11.989	11.989			Sở Nông nghiệp và PTNT	
29	Tu bổ, nâng cấp đê sông cầu Chày huyện Thọ Xuân.	4479/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	38.849	38.849	29.020	29.020	9.829	9.829			UBND huyện Thọ Xuân	
30	Hệ thống công trình thủy lợi xã Mường Chanli, huyện Mường Lát.	2324/QĐ-UBND ngày 01/7/2016	45.448	5.319	40.129		5.319	5.319			Chi cục phát triển nông thôn	
31	Hệ thống nước tưới kết hợp nước sinh hoạt bản Pom Khuông xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	2216/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	3.172	222	2.950		222	222			UBND huyện Mường Lát	
32	Cấp nước sinh hoạt bản Ôn xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	2217/QĐ-UBND ngày 25/11/2016	966	349	617		349	349			UBND huyện Mường Lát	
33	Đập suối Mạ xã Trung Lý, huyện Mường Lát.	2073/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.369	321	1.048		321	321			UBND huyện Mường Lát	
34	Nhà lớp học + thiết bị dạy học mầm non bản Kéo Hươn, bản Tẻ, bản Chim, bản Lốc Hà, bản Phá Đén xã Pù Nhi, huyện Mường Lát.	2072/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	1.326	516	810		516	516			UBND huyện Mường Lát	
35	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Tĩnh Gia.	7062/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	2.760	2.760	1.000	1.000	1.760	1.760	1.364	1.364	Huyện ủy Tĩnh Gia	
36	Xây dựng, nâng cấp trụ sở Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Triệu Sơn.	3475/QĐ-UBND ngày 30/9/2016	4.050	3.650	2.650	2.250	1.400	1.400	715	715	Huyện ủy Triệu Sơn	
37	Đầu tư xây dựng một số hạng mục công trình Quảng trường văn hóa kết hợp hoạt động TDTT huyện Ngọc Lặc.	3488/QĐ-UBND ngày 12/9/2016	24.636	17.877	7.000	7.000	10.877	10.877	8.000	8.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
38	Trung tâm lợi nhuận huyện Như Thanh.	4225/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	23.901	14.284	4.000	2.000	12.284	12.284	5.000	5.000	UBND huyện Như Thanh	
39	Rà phá bom, mìn, vật nổ vùng lõi Thành Nhà Hồ huyện Vĩnh Lộc.	920/QĐ-UBND ngày 02/4/2014	3.782	3.782	2.000	2.000	1.782	1.782			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
40	Kè chống sạt lở bờ tả sông Bưởi tuyến đường 523 đoạn Dốc Trầu - Thạch Quảng, xã Thánh Trục, huyện Thạch Thành.	1499/QĐ-UBND ngày 05/7/2010	3.466	1.466	2.000		1.466	1.466			UBND huyện Thạch Thành	
41	Xây dựng các bể chứa nước trên Đảo Mế xã Hải Bình, huyện Tĩnh Gia.	4515/QĐ-UBND ngày 17/12/2014	4.901	1.120	3.781		1.120	1.120			Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
42	Cầu Yên Hành qua sông Mã nối huyện Yên Định và huyện Vĩnh Lộc.	4684/QĐ-UBND ngày 13/11/2015	246.625	27.265	219.360		27.265	20.195	7.070		Sở Giao thông Vận tải	
43	Sửa chữa, nâng cấp hồ Hương Sơn, xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn.	3395/QĐ-UBND ngày 16/10/2012	15.582	2.000	14.582	1.000	1.000	1.000	1.000	1.000	UBND huyện Triệu Sơn	
44	Mở rộng Trung tâm Giáo dục, lao động xã hội Thanh Hóa.	3666/QĐ-UBND ngày 18/10/2013	45.265	13.138	32.127		13.138	13.138	13.138	13.138	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	
45	Nâng cấp mặt đường đoạn từ Ngã ba Kim Tân đến cổng Nam Thánh Nhà Hồ.	538/QĐ-UBND ngày 05/5/2015	2.291	2.291	1.700	1.700	591	591	591	591	UBND huyện Vĩnh Lộc	
46	Nhà vệ sinh công cộng, san lấp mặt bằng đường Nam cầu Bạch - Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	4625/QĐ-UBND ngày 10/11/2015	4.070	4.070	3.000	3.000	1.070	1.070	1.070	1.070	Ban Quản lý di tích lịch sử Lam Kinh	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
47	Xây dựng mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu theo hướng công nghiệp tại Thanh Hóa.	530/QĐ-UBND ngày 11/2/2015	22.222	22.222	14.300	14.300	7.922	7.922	7.922	7.922	Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng và Phát triển công nghệ sinh học Thanh Hóa	
48	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa.	4441/QĐ-UBND ngày 30/10/2015; 3621/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	69.613	45.426	49.187	25.000	20.426	20.426	20.426	20.426	Bệnh viện Mắt Thanh Hóa.	
49	Doanh trại chôn cất công tác liên ngành phục vụ bão, năm địa bàn tại xã Mường Lý, huyện Mường Lát.	3935/QĐ-UBND ngày 08/10/2015	14.512	14.512	9.100	9.100	5.412	5.412	5.412	5.412	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh	
50	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Thanh.	2550/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	3.576	3.576	2.660	2.660	916	916	916	916	Huyện ủy Như Thanh	
51	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Cẩm Thủy.	1604/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	3.653	3.653	2.480	2.480	1.173	1.173	1.173	1.173	Huyện ủy Cẩm Thủy	
52	Xây dựng, cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Vĩnh Lộc.	886/QĐ-UBND ngày 07/7/2015	3.860	3.761	2.899	2.800	961	961	961	961	Huyện ủy Vĩnh Lộc	
53	Nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hà Trung.	4431/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	5.122	5.122	3.650	3.650	1.472	1.472	1.472	1.472	Huyện ủy Hà Trung	
54	Trường THPT Ngọc Lặc, huyện Ngọc Lặc.	2487/QĐ-UBND ngày 08/7/2015	17.330	17.330	16.622	16.622	708	708	708	708	UBND huyện Ngọc Lặc	
55	Cải tạo Trường Chính trị tỉnh.	4170/QĐ-UBND ngày 19/10/2015	16.113	16.113	11.000	11.000	5.113	5.113	5.113	5.113	Trường Chính trị tỉnh	
56	Đường gian thẳng liên huyện Như Xuân - Thường Xuân.	4269/QĐ-UBND ngày 26/10/2015	37.803	7.646	30.157		7.646	7.646	7.646	7.646	UBND huyện Như Xuân	
57	Tu bổ, tôn tạo di tích Quốc gia Đền thờ Trần Khát Trăn, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc.	5600/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	15.778	9.347	11.431	5.000	4.347	1.370	4.347	1.370	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
58	Trùng tu, tôn tạo di tích Quốc gia Chùa Haa Long, xã Vĩnh Thịnh, huyện Vĩnh Lộc.	5599/QĐ-UBND ngày 31/12/2015	18.605	12.374	11.231	5.000	7.278	3.570	7.278	3.570	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
59	Nhà điều trị nội trú và quá lý hành chính - Dự án cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Nội tiết Thanh Hóa.	2496/QĐ-UBND ngày 08/7/2015	47.050	15.712	31.338		15.712	15.712	15.712	15.712	Bệnh viện nội tiết Thanh Hóa	
60	Cải tạo, sửa chữa nhà nghỉ E - Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa.	387/QĐ-UBND ngày 02/2/2015	12.297	12.297	9.900	9.900	2.397	2.397	2.397	2.397	Nhà khách Văn phòng UBND tỉnh	
61	Cải tạo, nâng cấp công sở Khối đoàn thể huyện Hoằng Hóa và sửa chữa nhà làm việc Huyện ủy Hoằng Hóa.	2403/QĐ-UBND ngày 29/6/2015	10.423	9.597	6.700	6.500	3.097	3.097	3.097	3.097	Huyện ủy Hoằng Hóa	
62	Mở rộng trụ sở làm việc UBND huyện Tĩnh Gia.	3387/QĐ-UBND ngày 07/9/2015	9.314	8.578	5.716	5.100	3.478	3.478	3.478	3.478	UBND huyện Tĩnh Gia	
63	Khu hội nghị huyện Ngọc Lặc.	785/QĐ-UBND ngày 12/3/2015	13.188	7.113	11.428	5.353	1.760	1.760	1.760	1.760	UBND huyện Ngọc Lặc	
64	Công sở xã Nga Thắng, huyện Nga Sơn.	1308/QĐ-UBND ngày 14/4/2015	6.693	6.693	4.390	4.390	2.303	2.303	2.303	2.303	UBND xã Nga Thắng	
65	Công sở xã Thiệu Giang, huyện Thiệu Hóa.	1405/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	5.002	5.002	3.450	3.450	1.552	1.552	1.552	1.552	UBND xã Thiệu Giang	
66	Công sở xã Quang Trung, TX. Bim Sơn.	4413/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	13.400	5.963	11.777	4.340	1.623	1.623	1.623	1.623	UBND xã Quang Trung	
67	Công sở xã Xuân Trường, huyện Thọ Xuân.	41/QĐ-UBND ngày 08/01/2013; 4210/QĐ-UBND ngày 16/10/2015	3.315	2.306	3.115	2.106	200	200	200	200	UBND xã Xuân Trường	

Số TT	 Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ tới đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
68	Công sở xã Hoàng Khê, huyện Hoàng Hoa Thám.	3084/QĐ-UBND ngày 17/8/2015	8.551	6.707	5.050	5.050	1.657	1.657	1.657	1.657	UBND xã Hoàng Khê	
69	Công sở xã Nam Xuân, huyện Quan Hóa.	4344/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	5.128	5.128	2.500	2.500	2.628	2.628	2.628	2.628	UBND xã Nam Xuân	
70	Công sở xã Cán Khê, huyện Như Thanh.	4531/QĐ-UBND ngày 30/11/2015	6.666	6.666	4.550	4.550	2.116	2.116	2.116	2.116	UBND xã Cán Khê	
71	Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Bến Nhạn xã Tượng Sơn, huyện Nông Cống.	201/QĐ-UBND ngày 21/01/2015	12.207	12.207	11.700	11.700	507	507	507	507	UBND huyện Nông Cống	
72	Đường Đông Hương 1, đoạn từ Đại lộ Lê Lợi đến đường Đông Hương 2.	4884/QĐ-UBND ngày 25/11/2015	37.765	35.543	28.369	26.641	8.902	8.902	8.902	8.902	UBND thành phố Thanh Hoá	
73	Cải tạo, nâng cấp đường vào các cơ quan huyện Tĩnh Gia.	183/QĐ-UBND ngày 19/01/2015	48.653	23.426	18.979	16.291	7.135	7.135	7.135	7.135	UBND huyện Tĩnh Gia	
74	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Sơn.	3435/QĐ-UBND ngày 09/9/2015	7.201	7.201	6.500	6.500	701	701	701	701	UBND huyện Quan Sơn	
75	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn huyện Mường Lát.	3017/QĐ-UBND ngày 12/8/2015	8.743	1.319	7.400		1.319	1.319	1.319	1.319	UBND huyện Mường Lát	
76	Đường giao thông từ sân bay Sao Vàng đi QL47.	3822/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	119.256	119.256	100.000	100.000	19.256	19.256	19.256	19.256	Sở Giao thông Vận tải	
77	Đường giao thông Xuân Phúc - Phúc Đường - Thanh Tân, huyện Như Thanh.	3616/QĐ-UBND ngày 21/9/2015	40.327	9.626	30.701		9.626	9.626	9.626	9.626	UBND huyện Như Thanh	
78	Đường giao thông liên xã Thọ Lâm đi Xuân Thắng.	460/QĐ-UBND ngày 06/02/2015	16.713	5.103	11.610		5.103	5.103	5.103	5.103	UBND huyện Thọ Xuân	
79	Cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Kim Tân, huyện Thạch Thành.	2261/QĐ-UBND ngày 18/6/2015	13.241	12.483	9.858	9.100	3.383	3.383	3.383	3.383	UBND huyện Thạch Thành	
80	Nâng cấp đường Nga Nhân - Nga Thiện - Nga An, huyện Nga Sơn.	3536/QĐ-UBND ngày 16/9/2015	40.185	40.059	27.200	27.200	12.859	12.859	12.859	12.859	UBND huyện Nga Sơn	
81	Hệ thống cầu treo và đường trên các huyện miền núi.	3774/QĐ-UBND ngày 29/9/2015	19.733	19.733	13.783	13.783	5.950	5.950	5.950	5.950	Sở Giao thông Vận tải	
82	Đầu tư xây dựng Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lâm nghiệp Thanh Hóa (Kháng bao gồm gói thầu thiết bị).	4360/QĐ-UBND ngày 09/12/2014	43.593	12.175	31.331		12.175	12.175	12.175	12.175	Trung tâm nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ lâm nghiệp Thanh Hóa	
83	Cấp bù tiền chênh lệch khảo sát thiết kế lâm sinh thuộc dự án trồng rừng 661, 147 năm 2010.	4753/QĐ-UBND ngày 29/12/2014	2.030	2.030	1.420	1.420	610	610	610	610	Đoàn quy hoạch và khảo sát thiết kế năng, lâm nghiệp Thanh Hóa	
84	Xử lý sạt lở bờ tả sông Bưởi tại K18+900 tuyến đường 523 xã Thành Mỹ, huyện Thạch Thành.	4665/QĐ-UBND ngày 24/12/2014	6.251	6.218	4.140	4.140	2.078	2.078	2.078	2.078	UBND huyện Thạch Thành	
85	Hạ tầng tái định cư thuộc Dự án xử lý trọng điểm xung yếu đoạn K30 - K36 đê hữu sông Mã xã Thiệu Quang, Thiệu Thịnh, Thiệu Hợp huyện Thiệu Hóa.	44/QĐ-UBND ngày 09/01/2015	8.028	1.028	7.000		1.028	1.028	1.028	1.028	UBND huyện Thiệu Hóa	
86	Xử lý khẩn cấp sạt lở đê hữu sông Cầu Cháy (đoạn qua xã Xuân Minh, Xuân Tân huyện Thọ Xuân).	2640/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	19.051	16.081	12.970	10.000	6.081	6.081	6.081	6.081	UBND huyện Thọ Xuân	
87	Trạm bơm tưới A Lăng xã Quý Lộc, huyện Yên Định.	4350/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	11.921	11.921	7.500	7.500	4.421	4.421	4.421	4.421	UBND huyện Yên Định	
88	Khu neo đậu tránh trú bão cho tàu thuyền nghề cá Lạch Bang	4234/QĐ-UBND ngày 03/12/2014	112.659	19.378	93.281		19.378	19.378	19.378	19.378	Sở Nông nghiệp và PTNT	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMĐT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
b	Dự án hoàn thành nhưng chưa có quyết toán được duyệt		2.129.609	1.685.772	1.103.648	866.006	488.055	348.055	353.809	213.809		
1	Cải tạo, nâng cấp đường Hồ Xuân hương, thị xã Sầm Sơn.	4422/QĐ-UBND ngày 11/12/2013; 4525/QĐ-UBND ngày 02/11/2015	455.655	455.655	162.250	162.250	225.000	95.000	190.000	60.000	UBND thị xã Sầm Sơn	
2	Đầu tư nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Như Xuân.	654/QĐ-UBND ngày 21/4/2014	7.944	7.944	4.800	4.800	1.950	1.950	967	967	Huyện ủy Như Xuân	
3	Xây dựng, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Thạch Thành	861/QĐ-UBND ngày 18/4/2012	4.571	4.571	2.900	2.900	478	478	478	478	Huyện ủy Thạch Thành	
4	Trung tâm y tế huyện Tĩnh Gia.	1280/QĐ-UBND ngày 28/4/2014	19.542	19.542	6.000	6.000	10.600	10.600	5.000	5.000	Sở Y tế	
5	Bảo tồn, tôn tạo Khu lăng mộ Thiết Vương Trịnh Tùng, xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	3693/QĐ-UBND ngày 09/11/2011; 4340/QĐ-UBND ngày 8/12/2014	17.330	15.830	8.870	7.370	6.000	6.000	4.300	4.300	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
6	Nhà lưu xá thanh niên, nhà ở cho các mẹ về hưu tại Làng trẻ em SOS Thanh Hóa.	1840/QĐ-UBND ngày 15/6/2012	6.151	6.151	3.471	3.471	1.700	1.700			Sở Lao động, Thương binh và Xã hội.	
7	Nhà xưởng thực hành nghề kỹ thuật sửa chữa, lắp ráp máy tính và thiết kế thời trang, Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa.	590/QĐ-UBND ngày 08/2/2013	11.001	3.001	6.000		3.001	3.001			Trường trung cấp nghề thanh thiếu niên đặc biệt khó khăn Thanh Hóa.	
8	Bảo tồn và phát triển làng văn hóa truyền thống Lương Ngọc, xã Cẩm Lương, huyện Cẩm Thủy.	601/QĐ-UBND ngày 03/3/2009; 300/QĐ-UBND ngày 24/01/2014	14.274	11.764	9.710	8.710	1.300	1.300			Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
9	Phục hồi trận địa đồi C4 thuộc Quy hoạch tổng thể bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích LSVH Hàm Rồng.	3647/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	5.562	5.562	2.000	2.000	2.700	2.700	2.150	2.150	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
10	Trụ sở làm việc Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng.	3023/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	15.857	15.857	2.500	2.500	11.000	11.000	9.400	9.400	Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
11	Trạm Thú y thành phố Thanh Hóa.	3692/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	6.009	6.009	1.000	1.000	4.100	4.100	3.500	3.500	Chi cục Thú y	
12	Công sở xã Hà Hải, huyện Hà Trung.	3145/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.900	3.926	2.500	2.500	830	830			UBND xã Hà Hải	
13	San lấp mặt bằng và xây dựng hệ thống đường giao thông ra, vào cảng hàng không Thọ Xuân.	1018/QĐ-UBND ngày 15/4/2015	77.728	77.728	55.000	55.000	11.000	11.000			Sở Giao thông Vận tải	
14	Đường ven sông Mã từ ngã ba Đông đến QL 1A, thuộc địa phận huyện Hậu Lộc.	4008/QĐ-UBND ngày 11/11/2009; 2286/QĐ-UBND ngày 23/7/2012	47.157	21.301	28.856	3.000	11.300	11.300	6.500	6.500	UBND huyện Hậu Lộc	
15	Đề tá sông Âu xã Thuần Lộc, huyện Hậu Lộc (từ đập Bộ Đầu đến làng Nhuệ Thôn xã Thuần Lộc) (2011).	1320/QĐ-UBND ngày 27/4/2011; 1909/QĐ-UBND ngày 26/5/2015	6.591	6.391	3.700	3.700	1.700	1.700	700	700	UBND huyện Hậu Lộc	
16	Cải tạo, nâng cấp và mở rộng vùng nuôi trồng thủy sản nước lợ xã Xuân Lộc, huyện Hậu Lộc.	3776/QĐ-UBND ngày 22/10/2009; 1278/QĐ-UBND ngày 10/4/2015	14.951	7.951	7.000		5.700	5.700	4.210	4.210	UBND huyện Hậu Lộc	
17	Kiến cổ kênh cấp 1 và kênh nội đồng xã Xuân Dương, huyện Thường Xuân.	4380/QĐ-UBND ngày 09/12/2013	14.707	8.069	3.492	3.492	3.400	3.400	2.560	2.560	UBND huyện Thường Xuân	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
18	Nội thất Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	3443/QĐ-UBND ngày 16/10/2014	26.748	26.748	10.000	10.000	12.700	12.700			Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
19	Cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng và đầu tư trang thiết bị Sân bay Thọ Xuân.	2307/QĐ-UBND ngày 04/7/2013	289.758	289.758	147.459	147.459	14.000	14.000			Sở Giao thông Vận tải	
20	Trạm kiểm dịch động vật Dốc Xáy, thị xã Bỉm Sơn.	3691/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	3.817	3.817	700	700	2.500	2.500	2.160	2.160	Chi cục Thú y	
21	Trạm Thú y huyện Mường Lát.	370/QĐ-UBND ngày 06/02/2009; 3690/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.590	4.590	600	600	3.300	3.300	2.850	2.850	Chi cục Thú y	
22	Trạm bảo vệ thực vật thành phố Thanh Hóa.	3648/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.917	4.917	900	900	3.300	3.300	2.800	2.800	Chi cục bảo vệ thực vật	
23	Cải tạo, nâng cấp công trình đường giao thông từ ngã ba thôn 8 xã Tân Ninh đến đền Am Tiên, huyện Triệu Sơn.	1621/QĐ-UBND ngày 24/5/2011; 3302/QĐ-UBND ngày 20/9/2013; 2939/QĐ-UBND ngày 09/9/2014	99.293	99.293	75.516	75.516	9.000	9.000	7.800	7.800	UBND huyện Triệu Sơn	
24	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường giao thông vào Nhà máy Ferocrom Nam Việt thuộc địa phận xã Văn Sơn, huyện Triệu Sơn.	1401/QĐ-UBND ngày 27/4/2010; 3874/QĐ-UBND ngày 10/11/2014	44.968	40.869	26.644	25.588	9.300	9.300	5.100	5.100	UBND huyện Triệu Sơn	
25	Bảo tồn và phòng dựng Chính điện - Khu di tích lịch sử Lam Kinh.	3367/QĐ-UBND ngày 22/9/2010; 391/QĐ-UBND ngày 28/1/2011; 4613/QĐ-UBND ngày 23/12/2014	259.114	96.942	156.072	51.923	35.000	25.000	30.000	20.000	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
26	Hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Quan Hóa.	3713/QĐ-UBND ngày 20/11/2008; 835/QĐ-UBND ngày 18/3/2011	16.624	13.222	11.700	8.300	2.900	2.900			UBND huyện Quan Hóa	
27	Cải tạo nâng cấp đường Lê Hoàn, thành phố Thanh Hóa.	1699/QĐ-UBND ngày 20/5/2010	29.479	14.740	11.100	11.100	1.400	1.400			UBND thành phố Thanh Hóa	
28	Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Yên Định.	896/QĐ-UBND ngày 01/4/2014	11.396	7.325	4.000	4.000	2.200	2.200	1.850	1.850	Huyện ủy Yên Định	
29	Đường Đồng Hương 2, TP. Thanh Hóa.	74/QĐ-UBND ngày 09/01/2012	66.046	33.023	31.481	21.000	7.100	7.100	5.400	5.400	UBND thành phố Thanh Hoá	
30	Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Ngọc Lặc.	961/QĐ-UBND ngày 07/4/2014	14.278	9.388	3.000	3.000	5.000	5.000	4.500	4.500	Huyện ủy Ngọc Lặc	
31	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Hậu Lộc.	3619/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	10.903	7.269	2.000	2.000	4.200	4.200	3.800	3.800	Huyện ủy Hậu Lộc	
32	Đầu tư xây dựng Trung tâm bồi dưỡng chính trị TX. Bỉm Sơn.	3618/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	10.885	6.637	1.900	1.900	3.740	3.740	3.400	3.400	Thị ủy Bỉm Sơn	
33	Đầu tư nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Bá Thước.	2398/QĐ-UBND ngày 27/9/2013	4.360	4.360	1.000	1.000	2.700	2.700	2.500	2.500	Huyện ủy Bá Thước	
34	Nhà hát Lam Sơn, TP. Thanh Hoá.	3410/QĐ-UBND ngày 01/10/2009; 4024/QĐ-UBND ngày 30/11/2012	163.368	163.368	121.684	121.684	17.200	17.200	9.000	9.000	UBND thành phố Thanh Hoá	
35	Sa bàn Hàm Rồng chiến thắng.	3548/QĐ-UBND ngày 23/10/2014	4.214	4.214	1.000	1.000	2.600	2.600	2.380	2.380	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
36	Cải tạo, mở rộng Trụ sở làm việc Công an tỉnh Thanh Hóa.	6264/QĐ-H14-H45 ngày 24/10/2012	171.168	42.792	106.000	34.000	8.792	8.792	8.792	8.792	Công an tỉnh	
37	Trụ sở làm việc cơ quan Huyện ủy Thọ Xuân.	3490/QĐ-UBND ngày 24/10/2011	26.384	26.384	11.643	11.643	10.800	10.800	9.500	9.500	Huyện ủy Thọ Xuân	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
38	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND-UBND huyện Triệu Sơn.	2746/QĐ-UBND ngày 22/8/2011	27.622	27.622	14.000	14.000	9.500	9.500	8.000	8.000	UBND huyện Triệu Sơn	
39	Khu hội nghị huyện Như Xuân.	1846/QĐ-UBND ngày 10/6/2011; 3825/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	32.008	11.370	10.000	6.000	3.100	3.100	3.100	3.100	UBND huyện Như Xuân	
40	Công sở xã Thọ Lập, huyện Thọ Xuân.	1576/QĐ-UBND ngày 28/8/2014	6.128	4.950	2.500	2.500	1.700	1.700	1.460	1.460	UBND xã Thọ Lập	
41	Công sở xã Mai Lâm, huyện Tĩnh Gia.	1826/QĐ-UBND ngày 09/6/2011; 583/QĐ-UBND ngày 07/02/2013	15.393	13.173	5.600	4.400	6.700	6.700	6.100	6.100	UBND xã Mai Lâm	
42	Công sở xã Xuân Tín, huyện Thọ Xuân.	3742/QĐ-UBND ngày 31/10/2014	7.050	3.452	2.500	2.500	952	952	952	952	UBND xã Xuân Tín	
43	Xây dựng công trình thủy lợi chống hạn cho 02 xã Quang Lộc và Liên Lộc, huyện Hậu Lộc.	3801/QĐ-UBND ngày 21/11/2011	31.250	30.379	21.700	21.700	4.100	4.100	2.600	2.600	UBND huyện Hậu Lộc	
44	Sửa chữa, nâng cấp hồ Đồng Ngon, xã Hợp Thành, huyện Triệu Sơn.	4047/QĐ-UBND ngày 28/12/2005; 1265/QĐ-UBND ngày 4/5/2007	2.311	2.311	1.500	1.500	460	460			UBND huyện Triệu Sơn	
45	Sửa chữa nâng cấp cải tạo trạm bơm tưới xã Vĩnh Khang, huyện Vĩnh Lộc.	41/QĐ-UBND ngày 28/01/2010	1.631	1.631	800	800	580	580			UBND huyện Vĩnh Lộc	
46	Nâng cấp trạm bơm tưới xã Vĩnh Minh, huyện Vĩnh Lộc.	971/QĐ-UBND ngày 23/9/2009	2.831	2.831	1.800	1.800	600	600			UBND huyện Vĩnh Lộc	
47	Cầu Đông Phát, nối khu chung cư Đẳng Phát với khu dân cư phường Đông Vệ, đường Đẳng Tây, thành phố Thanh Hóa.	1615/QĐ-UBND ngày 06/6/2008	11.145	11.145	8.800	8.800	872	872			UBND thành phố Thanh Hóa	
c	Dự án dự kiến hoàn thành trong giai đoạn 2017 - 2020		4.178.112	3.000.911	1.520.892	916.821	1.376.082	1.223.405	411.605	258.528		
*	Dự án dự kiến hoàn thành trong năm 2017		1.600.481	971.492	618.831	317.160	541.682	469.350	226.292	153.960		
i	Nâng cấp trường Cao đẳng Thế đức, Thể thao Thanh Hóa.	4287/QĐ-UBND ngày 29/12/2008; 697/QĐ-UBND ngày 16/3/2012; 544/QĐ-UBND ngày 26/2/2014	105.139	84.668	77.171	77.171	6.900	6.900	945	945	Trường Cao đẳng Thế đức Thể thao Thanh Hóa	
2	Hoàn chỉnh nội thất, đồ thờ, đèn thờ các Bà mẹ Việt Nam anh hùng và các Anh hùng liệt sỹ Hàm Rồng.	2417/QĐ-UBND ngày 01/8/2014; 3102/QĐ-UBND ngày 18/8/2015	63.051	51.545	7.455	5.000	46.000	25.949	20.051		Sở Xây dựng	
3	Trung tâm y tế huyện Nga Sơn.	3687/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	19.603	19.053	3.550	3.000	12.600	12.600	6.000	6.000	UBND huyện Nga Sơn	
4	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Như Xuân.	3058/QĐ-UBND ngày 19/9/2011; 3807/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	43.198	24.839	10.175		26.500	18.016	11.484	3.000	Bệnh viện đa khoa huyện Như Xuân	
5	Đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Thạch Thành.	1700/QĐ-UBND ngày 8/6/2009; 874/QĐ-UBND ngày 30/3/2012	94.166	27.901	51.692		28.300	13.367	14.933		Bệnh viện đa khoa huyện Thạch Thành; UBND huyện Thạch Thành	
6	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Hậu Lộc.	2084/QĐ-UBND ngày 14/7/2008; 2212/QĐ-UBND ngày 16/7/2014; 374/QĐ-UBND ngày 02/2/2015	27.265	6.899	20.366		2.800	2.800			Bệnh viện đa khoa huyện Hậu Lộc	

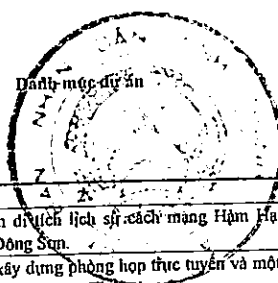
Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch (trung hạn 5 năm 2016 - 2020)				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
7	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa Khoa huyện Bá Thước.	2085/QĐ-UBND ngày 14/7/2008; 2970/QĐ-UBND ngày 11/9/2014; 1614/QĐ-UBND ngày 5/5/2015	29.668	8.153	20.628	100	4.590	3.603	987		Bệnh viện đa khoa huyện Bá Thước	
8	Đoanai trại Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.	3735/QĐ-BTL ngày 22/9/2014	193.487	96.893	71.000	28.500	54.000	54.000	20.000	20.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
9	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa Nghè Vẹt xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	2750/QĐ-UBND ngày 08/8/2013; 4496/QĐ-UBND ngày 18/12/2013; 1966/QĐ-UBND ngày 25/6/2014	37.072	27.592	9.480		23.500	23.500	8.000	8.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
10	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh.	2342/QĐ-UBND ngày 31/7/2008; 3831/QĐ-UBND ngày 01/10/2015	43.807	19.149	21.831	50	15.400	12.523	5.877	3.000	Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh	
11	Dự án CHI-01.	678/QĐ-UBND ngày 25/2/2013	36.263	36.263	23.200	23.200	12.000	12.000	6.000	6.000	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
12	Đường cơ động trong căn cứ hậu phương của tỉnh.	45/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2652/QĐ-UBND ngày 02/8/2010; 648/QĐ-UBND ngày 22/2/2013	68.151	68.151	40.779	40.779	17.300	17.300	10.300	10.300	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	
13	Tòa nhà báo Thanh Hóa và Trung tâm báo chí TP. Thanh Hóa.	3519/QĐ-UBND ngày 26/10/2012	76.414	76.414	35.000	35.000	30.000	30.000	15.000	15.000	Báo Thanh Hóa	
14	Xây dựng mới nhà 3 tầng; cải tạo nhà đội xe thành nhà công vụ và một số công trình phụ trợ của Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh.	3624/QĐ-UBND ngày 29/10/2014; 1750/QĐ-UBND ngày 23/5/2016	17.923	17.923	3.000	3.000	12.200	12.200	6.000	6.000	Văn phòng UBND tỉnh	
15	Khu hội nghị huyện Thường Xuân.	3640/QĐ-UBND ngày 17/10/2013	27.055	23.905	8.650	5.500	14.800	14.800	3.000	3.000	UBND huyện Thường Xuân	
16	Khu hội nghị huyện Mường Lát.	4493/QĐ-UBND ngày 16/12/2013; 3576/QĐ-UBND ngày 18/9/2015	35.234	35.234	2.500	2.500	27.500	27.500	10.000	10.000	UBND huyện Mường Lát	
17	Trung tâm hội nghị huyện Quan Sơn.	3623/QĐ-UBND ngày 12/10/2010; 3554/QĐ-UBND ngày 17/9/2015	18.560	18.310	2.000	2.000	13.500	13.500	5.900	5.900	UBND huyện Quan Sơn	
18	Trung tâm Hội nghị - Nhà văn hóa thị xã Bỉm Sơn.	3477/QĐ-UBND ngày 17/10/2014	57.551	20.986	2.000	2.000	16.000	16.000	6.615	6.615	UBND thị xã Bỉm Sơn	
19	Trạm bảo vệ thực vật huyện Mường Lát.	3696/QĐ-UBND ngày 30/10/2014	4.804	4.804		900	3.100	3.100	1.900	1.900	Sở Nông nghiệp và PTNN	
20	Công sở xã Tân Thành, huyện Thường Xuân.	2551/QĐ-UBND ngày 24/7/2013	8.425	8.425	5.360	5.360	1.800	1.800			UBND xã Tân Thành	
21	Công sở xã Thiệu Vũ, huyện Thiệu Hóa.	3501/QĐ-UBND ngày 20/10/2014	10.721	5.722	3.000	3.000	1.800	1.800			UBND xã Thiệu Vũ	
22	Công sở xã Thiệu Văn, huyện Thiệu Hóa.	4634/QĐ-UBND ngày 26/12/2013	7.704	5.979	3.000	3.000	2.100	2.100			UBND xã Thiệu Văn	
23	Đường Dương Đình Nghệ kéo dài, thành phố Thanh Hóa.	1700/QĐ-UBND ngày 20/05/2010; 4139/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	158.883	70.671	57.867	34.000	26.000	26.000	11.200	11.200	UBND thành phố Thanh Hóa	
24	Đường giao thông tỉnh lộ 7 đến đường gom Khu công nghiệp Bỉm Sơn.	Số 4622/QĐ-UBND ngày 25/12/2009	96.386	27.535	53.867	3.100	20.300	20.300	8.000	8.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	

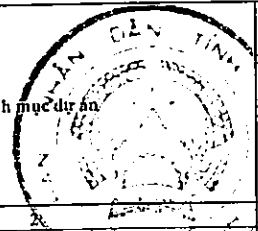
Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giải ngân 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TD: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
25	Đường Bà Triệu, thị xã Sầm Sơn (đoạn từ đường Nguyễn Trãi đến đường Vành Đai).	Số 2515/QĐ-UBND ngày 19/7/2013	54.492	11.736	27.000		11.700	11.700			UBND TX. Sầm Sơn	
26	Tuyến đường chính và đường xương cá thị trấn Quan Hóa.	1383/QĐ-UBND ngày 21/5/2008; 2783/QĐ-UBND ngày 30/7/2015	26.507	24.873	8.500	8.500	12.600	12.600	9.100	9.100	UBND huyện Quan Hóa	
27	Xây dựng công trình cấp nước sạch cho các xã Đông Quang, Đông Phú, Đông Nam, huyện Đông Sơn	3622/QĐ-UBND ngày 29/10/2014	28.338	18.252	4.500	4.500	11.000	11.000	4.500	4.500	UBND huyện Đông Sơn	
28	Định canh, định cư cho đồng bào dân tộc thiểu số bản Piêng Trang xã Trung Xuân, huyện Quan Sơn.	575/QĐ-UBND ngày 28/2/2011	34.611	10.835	17.360		9.200	9.200	4.500	4.500	UBND huyện Quan Sơn	
29	Đường giao thông xã Thạch Lâm, huyện Thạch Thành.	2099/QĐ-UBND ngày 07/7/2009; 3320/QĐ-UBND ngày 24/9/2013	71.751	62.526	11.000	11.000	42.000	42.000	11.000	11.000	UBND huyện Thạch Thành	
30	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông liên xã Quảng Lĩnh - Quảng Trường - Quảng Vọng, huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.	1133/QĐ-UBND ngày 08/4/2011; 689/QĐ-UBND ngày 27/02/2015	45.039	26.664	3.000	3.000	19.600	9.600	10.000		UBND huyện Quảng Xương	
31	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ Hoa Lộc đến đê biển Minh Lộc, cầu Đe và tuyến nhánh đến UBND xã Hưng Lộc, huyện Hậu Lộc.	3018/QĐ-UBND ngày 27/8/2013	59.213	29.592	13.000	13.000	16.592	1.592	15.000		UBND huyện Hậu Lộc	
*	Dự án hoàn thành sau năm 2017		2.188.401	1.640.189	729.709	427.309	794.400	713.655	145.313	64.568		
1	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa.	3041/QĐ-UBND ngày 27/8/2010	125.830	125.830	25.009	25.009	82.000	82.000	3.000	3.000	Bệnh viện Phụ sản Thanh Hóa	
2	Đầu tư xây dựng Khoa quốc tế - Bệnh viện Đa khoa tỉnh.	4839/QĐ-UBND ngày 31/12/2014; 3160/QĐ-UBND ngày 20/8/2016	74.774	60.000	5.000		35.000	35.000	17.568	17.568	Bệnh viện đa khoa tỉnh	
3	Tuyến đường bờ ven biển (đoạn nối đường 513 với đường ven biển tỉnh Nghệ An) thuộc KKT Nghi Sơn.	27/QĐ-BQLKKTNS ngày 03/03/2011; 192/QĐ-BQLKKTNS ngày 28/6/2013	324.300	212.459	111.841		60.000	40.000	20.000		Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
4	Cải thiện sống Tuần Cung - KKT Nghi Sơn	418/QĐ-BQLKKTNS ngày 31/12/2013	107.719	107.719	20.000	20.000	50.000	50.000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
5	Hệ thống giao thông xã Mường Chan, huyện Mường Lát.	4158/QĐ-UBND ngày 18/10/2015	114.590	50.000	8.000		50.000	50.000			UBND huyện Mường Lát	
6	Đường trục chính trung tâm thị trấn Vĩnh Lộc nối QL 217 với QL 45 huyện Vĩnh Lộc.	4272/QĐ-UBND ngày 02/12/2009; 2252/QĐ-UBND ngày 28/6/2016	149.778	149.778	12.000		115.300	96.800	18.500		UBND huyện Vĩnh Lộc	
7	Đường giao thông từ bản Cà Nọi, xã Pù Nhù đi bản Chùm xã Nhi Sơn.	264/QĐ-UBND ngày 30/10/2010; 568/QĐ-UBND ngày 03/3/2014	102.546	46.957	55.589		31.000	31.000	10.000	10.000	UBND huyện Mường Lát	
8	Đường giao thông cầu Kê - Thọ Xuân, huyện Thọ Xuân.	43/QĐ-UBND ngày 07/01/2009; 2292/QĐ-UBND ngày 22/6/2015	232.893	91.284	71.970		77.500	71.255	16.245	10.000	UBND huyện Thọ Xuân	
9	Nhà làm việc trung tâm Cảnh sát PCCC tỉnh Thanh Hóa.	252/QĐ-H41-H45 ngày 30/10/2015	129.922	19.500	20.000		16.500	16.500			Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy tỉnh Thanh Hóa	
10	Đầu tư xây dựng hợp khối Trung tâm dịch vụ kỹ thuật - Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng và Trung tâm thăng tin - Ứng dụng - Chuyển giao khoa học và công nghệ.	2908/QĐ-UBND ngày 16/8/2013; 4302/QĐ-UBND ngày 02/11/2016	61.707	58.384	11.000	11.000	38.000	38.000	9.000	9.000	Sở Khoa học và Công nghệ	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Đường giao thông đến khu du lịch sinh thái biển Hải Tiến, huyện Hoàng Hóa.	3808/QĐ-UBND ngày 30/10/2013	135.877	89.813	28.000	10.000	66.300	60.300	6.000		UBND huyện Hoàng Hóa	
12	Hạ tầng kỹ thuật Khu liên hợp xử lý chất thải rắn sinh hoạt của TP. Thanh Hóa và các vùng phụ cận (Giai đoạn I).	3992/QĐ-UBND ngày 08/11/2010; 1900/QĐ-UBND ngày 19/6/2014	133.155	133.155	81.900	81.900	31.200	31.200			Công ty TNHH một thành viên môi trường và công trình đô thị Thanh Hóa (nay là Công ty cổ phần môi trường và công trình đô thị)	
13	Trung tâm Truyền hình - Triển lãm - Hội chợ - Quảng cáo tỉnh Thanh Hoà.	1195/QĐ-UBND ngày 18/4/2011; 4140/QĐ-UBND ngày 25/10/2016	495.310	495.310	279.400	279.400	141.600	111.600	45.000	15.000	Sở Xây dựng	
*	Dự án chuyển sang thực hiện từ nguồn sự nghiệp giáo dục giai đoạn 2017- 2020		389.230	389.230	172.352	172.352	40.000	40.000	40.000	40.000		
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa.	3267/QĐ-UBND ngày 19/9/2013; 3118/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	202.637	202.637	74.809	74.809	20.000	20.000	20.000	20.000	Trường Cao đẳng Y tế Thanh Hóa; Trường Đại học Y Hà Nội	Bổ trí từ nguồn sự nghiệp giáo dục trong dự toán ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 để thực hiện.
2	Trường Cao đẳng Văn hoá - Nghệ Thuật Thanh Hoà.	3219/QĐ- UBND ngày 21/9/2009; 307/QĐ-UBND ngày 25/11/2011; 3311/QĐ-UBND ngày 08/10/2012	186.593	186.593	97.543	97.543	20.000	20.000	20.000	20.000	Trường Đại học Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Bổ trí từ nguồn sự nghiệp giáo dục trong dự toán ngân sách tỉnh giai đoạn 2017 - 2020 để thực hiện.
(2)	Dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư giai đoạn 2016 - 2020		10.235.882	5.359.441			3.864.647	3.761.881	497.264	394.498		
a	Dự án khởi công mới năm 2016		2.142.115	1.799.577			1.537.092	1.457.575	470.365	390.848		
1	Đường Trần Nhân Tông đoạn từ điểm cuối ĐĐT đại lộ Nam sông Mã đến đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	3998/QĐ-UBND ngày 12/10/2015	126.203	126.203			107.200	107.200	100.000	100.000	Sở Giao thông Vận tải	
2	Nâng cấp, cải tạo đường Nguyễn Du, thị xã Sầm Sơn.	4321/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	159.894	151.276			128.500	105.983	24.517	2.000	UBND thị xã Sầm Sơn	
3	Nâng cấp, cải tạo đường nối QL1A với QL 10 (đoạn từ Đại Lộ đến Liên Lộ), huyện Hậu Lộc.	4323/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	145.966	140.298			119.200	119.200	30.000	30.000	UBND huyện Hậu Lộc	
4	Đường giao thông từ QL1A vào nhà máy xi măng Long Sơn và KCN phía Đông thị xã Bỉm Sơn.	4339/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	181.086	172.050			146.200	146.200	30.000	30.000	UBND thị xã Bỉm Sơn	
5	Nâng cấp, cải tạo đường từ tỉnh lộ 514 (xã Minh Dân) đi tỉnh lộ 517 (xã Đồng Lợi), huyện Triệu Sơn.	4322/QĐ-UBND ngày 28/10/2015	79.960	77.639			66.000	66.000	13.000	13.000	UBND huyện Triệu Sơn	
6	Nâng cấp, cải tạo đường Mỹ Tân - Cao Ngọc - Văn Am, huyện Ngọc Lặc nối tiếp với xã Giao Thiện, huyện Lang Chánh.	4225/QĐ-UBND ngày 21/10/2015; 2020/QĐ-UBND ngày 13/6/2016	119.976	117.476			104.000	104.000	21.000	21.000	UBND huyện Ngọc Lặc	
7	Đường trục chính đô thị , thị trấn Đông Sơn (kết nối QL45, 47).	4398/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	153.021	134.831			114.600	114.600	16.000	16.000	UBND huyện Đông Sơn	
8	Cầu qua sông Hoàng, xã Quảng Trung, huyện Quảng Xương.	4201/QĐ-UBND ngày 21/10/2015	53.031	52.548			45.000	45.000	16.000	16.000	UBND huyện Quảng Xương	
9	Cầu cứng từ thị trấn Mường Lát đi bản Pom Khuống, xã Tam Chung, huyện Mường Lát.	4437/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	30.364	30.364			26.000	26.000	10.500	10.500	UBND huyện Mường Lát	
10	Đường giao thông từ xã Luận Thành, huyện Thường Xuân đi xã Thọ Bình, huyện Triệu Sơn.	4400/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	44.983	44.983			39.088	39.088	15.700	15.700	UBND huyện Thường Xuân	

Số TT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bỏ trị đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
11	Nâng cấp, cải tạo đường liên xã Sơn Lư - Tam Lư, huyện Quan Sơn.	4366/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	41.988	41.988			36.000	36.000	14.500	14.500	UBND huyện Quan Sơn	
12	Nâng cấp, cải tạo tuyến đường giao thông từ tỉnh lộ 530 đi đến thác Ma Hào và bản Nàng Cát xã Trí Nang, huyện Lang Chánh.	4424/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	37.952	37.271			32.000	32.000	12.000	12.000	UBND huyện Lang Chánh	
13	Đường giao thông từ xã Lũng Niêm đi Khu du lịch Thác Hươu, xã Cổ Lũng, huyện Bá Thước.	4414/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	35.000	22.500			19.100	6.600	12.500		UBND huyện Bá Thước	
14	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ xã Cẩm Ngọc đi xã Cẩm Phong, huyện Cẩm Thủy.	4401/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	35.995	23.495			20.000	7.500	12.500		UBND huyện Cẩm Thủy	
15	Đường từ xã Xuân Phú huyện Quan Hóa đi xã Trung Xuân huyện Quan Sơn.	4425/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	46.999	30.499			26.000	9.500	16.500		UBND huyện Quan Hóa	
16	Cải tạo, nâng cấp đường liên huyện từ xã Yên Lâm, huyện Yên Định đi các xã Cao Thịnh, Lộc Thịnh, huyện Ngọc Lặc.	4399/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	32.990	32.990			28.000	28.000	11.500	11.500	UBND huyện Yên Định	
17	Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động trong của các cơ quan Đảng tỉnh Thanh Hóa giai đoạn 2015 - 2020.	4458/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	47.772	47.772			40.600	40.600	17.000	17.000	Văn phòng Tỉnh ủy Thanh Hóa	
18	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ Quốc lộ 217 đi xã Vĩnh Minh và Di tích Quốc gia danh lam thắng cảnh núi Kim Sơn, xã Vĩnh An, huyện Vĩnh Lộc.	4426/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	44.992	44.992			38.000	38.000	4.000	4.000	UBND huyện Vĩnh Lộc	
19	Tu bổ, nâng cấp đê hữu sông Hoàng, đoạn từ xã Dân Lý đến xã Đồng Thăng, huyện Triệu Sơn.	2901/QĐ-UBND ngày 03/8/2016	53.972	53.972			46.000	46.000	1.000	1.000	UBND huyện Triệu Sơn	
20	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ QL45 đi xã Định Tăng, huyện Yên Định.	3171/QĐ-UBND ngày 23/8/2016	79.490	79.490			67.500	67.500	5.000	5.000	UBND huyện Yên Định	
21	Nâng cấp trạm bơm tiêu Quang Hoa, xã Xuân Minh, huyện Thọ Xuân.	4359/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	84.981	82.881			70.000	70.000	13.000	13.000	UBND huyện Thọ Xuân	
22	Nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Mường Lát.	4245/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	8.457	8.457			8.457	2.957	8.100	2.600	Huyện ủy Mường Lát	
23	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Thường Xuân.	2388/QĐ-UBND ngày 28/10/2016	4.597	4.597			4.597	4.597	1.400	1.400	Huyện ủy Thường Xuân	
24	Nâng cấp Trung tâm Bồi dưỡng chính trị huyện Quan Hóa.	4429/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	4.384	4.384			3.700	3.700	1.550	1.550	Huyện ủy Quan Hóa	
25	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm bồi dưỡng chính trị huyện Quan Sơn.	236/QĐ-UBND ngày 25/02/2016	6.190	5.000			4.250	4.250	1.500	1.500	Huyện ủy Quan Sơn	
26	Trung tâm bồi dưỡng chính trị TX. Sầm Sơn.	3555/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	11.478	7.000			6.000	6.000	2.000	2.000	Thị ủy Sầm Sơn	
27	Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	4363/QĐ-UBND ngày 29/10/2015	289.942	100.000			85.000	85.000	20.000	20.000	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
-	Trong đó: Dự án khu dân cư, tái định cư xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc, phục vụ GPMB dự án Bảo tồn, tu bổ, tôn tạo khu Phủ từ, trưng bày, quản lý, dịch vụ và cảnh quan di tích lịch sử Phủ Trịnh xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	2654/QĐ-UBND ngày 18/7/2016							4.600	4.600	UBND huyện Vĩnh Lộc	
28	Xây dựng tuyến đường Tiên Sơn - Hạc Oa (đoạn từ nút giao đường vào động Tiên Sơn đến đường Hạc Oa) Khu di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng, TP. Thanh Hóa.	4432/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	10.413	10.413			8.800	8.800	3.600	3.600	Ban Quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	

Số TT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trang đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (t)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
29	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử đền thờ Hoàng quốc công Đào Duy Từ.	4418/QĐ-UBND ngày 30/10/2015.	43.597	14.000			11.900	11.900	1.000	1.000	UBND huyện Tĩnh Gia	
30	Trung tâm dịch vụ du lịch hỗ trợ phát huy giá trị cụm di tích xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.	1608/QĐ-UBND ngày 12/5/2016	45.947	38.000			32.300	32.300	4.700	4.700	UBND huyện Vĩnh Lộc	
31	Trụ sở làm việc Khối đoàn thể huyện Tĩnh Gia.	4430/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	12.720	7.000			6.000	6.000	2.298	2.298	UBND huyện Tĩnh Gia	
32	Đầu tư nâng cao năng lực kiểm định, kiểm nghiệm của Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Thanh Hóa.	5402/QĐ UBND ngày 23/12/2015	29.743	29.743			25.200	15.200	20.000	10.000	Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường - Chất lượng Thanh Hóa	
33	Công sở và Hội trường văn hóa đa năng xã Ba Đình, huyện Nga Sơn.	4468/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	13.417	7.500			6.400	6.400	2.000	2.000	UBND xã Ba Đình, huyện Nga Sơn	
34	Công sở xã Tĩnh Hải, huyện Tĩnh Gia.	4488/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	7.466	7.466			6.400	6.400	2.000	2.000	UBND xã Tĩnh Hải	
35	Trường tiểu học nội trú xã Tam Trung, huyện Mường Lát (GD I).	548/QĐ-UBND ngày 14/3/2016	10.758	9.500			8.100	8.100	3.000	3.000	UBND huyện Mường Lát	
36	Ứng dụng công nghệ thông tin trong khai thác và quản lý di sản văn hóa vật thể, phi vật thể tỉnh Thanh Hóa.	4448/QĐ-UBND ngày 30/10/2015	6.391	1.000			1.000	1.000	1.000	1.000	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	
b	Dự án dự kiến khởi công mới năm 2017		5.806.689	1.821.364			1.517.910	1.494.661	23.999	750		
1	Đường vành đai Đông Tây TP. Thanh Hoá, đoạn qua thị trấn Rừng Thông đến quốc lộ 1A.	2016/QĐ-UBND ngày 10/6/2016	1.283.327	300.000			320.319	300.000	20.319		Sở Giao thông Vận tải	
2	Đường ven biển, đoạn từ Đại lộ Nam sông Mã (thị xã Sầm Sơn) đến cầu ghép (huyện Quảng Xương).		1.480.000	100.000			52.930	50.000	2930		Sở Giao thông Vận tải	
3	Đầu tư xây dựng tuyến đường tránh quốc lộ 45 vào Cụm Công nghiệp phía tây thị trấn Quán Lào, huyện Yên Định.	4184/QĐ-UBND ngày 27/10/2016	199.998	60.000			60.000	60.000			UBND huyện Yên Định	
4	Tuyến đường từ QL 1A đi Cảng Nghi Sơn - KKT Nghi Sơn (đoạn từ QL 1A đến đường Đông Tây 4 đi cảng Nghi Sơn).		1.487.000	200.000			100.000	100.000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
5	Nâng cấp mở rộng đường giao thông nội tỉnh lộ 526 với quốc lộ 10 huyện Hậu Lộc.		23.000	21.000			17.800	17.800			UBND huyện Hậu Lộc	
6	Di dân tái định cư lòng hồ Yên Mỹ từ cao trình (+18,50) m đến cao trình (+20,36) m.		293.000	100.000			85.000	85.000			Sở Nông nghiệp và PTNT	
7	Cải tạo, nâng cấp hệ thống nước thải, nước mưa phía Tây đường Hồ Xuân Hương.		153.000	153.000			130.000	130.000			UBND thị xã Sầm Sơn	
8	Nâng cấp trạm bơm tiêu Đồng Ngâu, xã Xuân Sơn, huyện Thọ Xuân.		50.000	50.000			43.000	43.000			UBND huyện Thọ Xuân	
9	Cải tạo, nâng cấp hồ Bai Cãi, xã Thành Vinh, huyện Thạch Thành.		80.000	80.000			68.000	68.000	150	150	UBND huyện Thạch Thành	
10	Cải tạo, nâng cấp đường Đồng Cổ (đoạn từ đường Hàm Long đến Thiên Viện Trúc Lâm Hàm Rồng).		11.813	11.813			10.000	10.000			Ban quản lý di tích lịch sử văn hóa Hàm Rồng	
11	Xây dựng Khoa nội A và Trung tâm huyết học - truyền máu Bệnh viện đa khoa tỉnh.	4252/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	124.451	124.451			105.000	105.000			Bệnh viện đa khoa tỉnh	
12	Đầu tư xây dựng công trình phụ trợ và hạ tầng kỹ thuật Trung tâm Điều dưỡng người có công tỉnh Thanh Hóa.		40.000	40.000			34.000	34.000	100	100	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	
13	Trung tu tôn tạo Khu di tích lịch sử cách mạng Yên Trường xã Thọ Lập huyện Thọ Xuân.		35.000	35.000			30.000	30.000	50	50	UBND huyện Thọ Xuân	

Số TT		Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 - 2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
14	Tu bổ tôn tạo cụm di tích lịch sử cách mạng Hàm Hạ xã Đông Tiến huyện Đông Sơn.		18.000	18.000			15.300	15.300	50	50	UBND huyện Đông Sơn	
15	Sửa chữa, cải tạo xây dựng phòng họp thực tuyến và một số hạng mục thuộc trụ sở cơ quan Tỉnh uỷ.		15.000	15.000			12.700	12.700			Văn phòng Tỉnh uỷ	
16	Cải tạo trụ sở liên cơ quan Hội cựu chiến binh - Tỉnh đoàn - Hội nông dân tỉnh Thanh Hóa và đầu tư mua sắm trang thiết bị làm việc cơ quan Hội cựu chiến binh tỉnh.		15.000	15.000			12.700	12.700			Hội cựu chiến binh tỉnh Thanh Hóa	
17	Tu bổ, tôn tạo di tích lịch sử văn hóa đình Gia Miêu xã Hà Long, huyện Hà Trung.		14.900	14.900			12.600	12.600			UBND huyện Hà Trung	
18	Xây dựng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp các cơ quan đảng tỉnh Thanh Hóa trên mạng Internet.		13.000	13.000			11.000	11.000			Văn phòng Tỉnh uỷ	
19	Đường giao thông Quảng Bình - Quảng Thái, huyện Quảng Xương.		173.500	173.500			147.000	147.000	200	200	UBND huyện Quảng Xương	
20	Cải tạo, nâng cấp đường tỉnh 515 Ba Chẽ - Thiệu Toán - Hạnh Phúc.		120.000	120.000			100.000	100.000			Sở Giao thông Vận tải	
21	Đường giao thông Cẩm Bình - Cẩm Thạch - Cẩm Liên - Cẩm Thành, huyện Cẩm Thủy.		164.700	164.700			140.000	140.000	200	200	UBND huyện Cẩm Thủy	
22	Vườn hoa và tượng nữ anh hùng liệt sỹ Nguyễn Thị Lợi, TX. Sầm Sơn.		12.000	12.000			10.561	10.561			Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	
c	Dự án khởi công mới giai đoạn 2018 - 2020		2.287.078	1.738.500			809.645	809.645	2.900	2.900		
1	Trung tâm huấn luyện nghiệp vụ Công an tỉnh.		85.000	42.500			20.000	20.000			Công an tỉnh	
2	Trung tâm hoạt động thanh thiếu niên Thanh Hóa.		50.000	10.000			10.000	10.000			Tỉnh đoàn Thanh Hóa	
3	Đường gom đường vành đai phía Tây đoạn từ KCN Tây Bắc Ga (mốc A tới mốc C) và đường nối KCN Tây Bắc Ga với nút giao đường vành đai phía Tây, TP. Thanh Hóa.		150.000	100.000			45.000	45.000	200	200	UBND thành phố Thanh Hóa	
4	Bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị Khu di tích lịch sử và kiến trúc nghệ thuật Quốc gia đặc biệt Bà Triệu, xã Triệu Lộc, huyện Hậu Lộc.		428.578	65.000			30.000	30.000			Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
5	Đầu tư mở rộng diện tích và đường giao thông từ Tỉnh lộ 530 vào Cụm công nghiệp Bãi Búi, xã Quang Hiến, huyện Lang Chánh.		22.000	20.000			15.000	15.000			UBND huyện Lang Chánh	
6	Mở rộng Khu tái định cư Nam đường Hồ Tùng Mậu, phường Bắc Sơn, thị xã Bùn Sơn.		22.000	17.500			12.000	12.000			Ban quản lý KKT Nghi Sơn và các khu công nghiệp	
7	Nâng cấp, cải tạo đường tỉnh 514 đoạn từ Cầu Thiệu đi xã Hợp Lý, huyện Triệu Sơn.		135.000	135.000			55.000	55.000	200	200	UBND huyện Triệu Sơn	
8	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515B Thiệu Lý - Đông Hoàng.		40.000	40.000			25.000	25.000	100	100	Sở Giao thông Vận tải	
9	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 526B (Hậu Lộc - Quán Dốc).		85.000	85.000			30.000	30.000	200	200	Sở Giao thông Vận tải	
10	Nâng cấp cải tạo đường tỉnh 515C Đu - Thọ Vực.		40.000	40.000			25.000	25.000	100	100	Sở Giao thông Vận tải	
11	Đường kết nối từ tỉnh lộ 510 (thị trấn Bút Sơn) đi xã Hoằng Ngọc, huyện Hoằng Hóa.		98.000	60.000			30.000	30.000	200	200	UBND huyện Hoằng Hóa	
12	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông từ xã Thủy Sơn, huyện Ngọc Lặc đi làng Thung xã Đông Lương (huyện Lang Chánh).		83.000	82.000			35.000	35.000	200	200	UBND huyện Ngọc Lặc	

Số TT	 Danh mục dự án	Quyết định đầu tư ban đầu và điều chỉnh lần cuối (hoặc quyết định phê duyệt quyết toán được duyệt)	Tổng mức đầu tư (hoặc dự kiến TMDT); giá trị quyết toán		Vốn đã bố trí đến 31/12/2015		Kế hoạch trung hạn 5 năm 2016 - 2020				Chủ đầu tư	Ghi chú
			Tổng số	Trong đó: Vốn ngân sách tỉnh	Tổng số	Trang đã: Vốn ngân sách tỉnh	Giai đoạn 2016 -2020		Vốn năm 2016 đã được giao kế hoạch			
							Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)	Tổng số	TĐ: Vốn ngân sách tỉnh (1)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
13	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông từ nhà máy may IVORY kết nối với đường tỉnh 526, huyện Hậu Lộc.		84.000	80.000			35.000	35.000	200	200	UBND huyện Hậu Lộc	
14	Đường giao thông nối đường Hồ Chí Minh với QL45 đi xã Tân Bình, huyện Như Xuân.		99.100	99.100			45.000	45.000	100	100	UBND huyện Như Xuân	
15	Đường giao thông nối Quốc lộ 45 với tỉnh lộ 505.		50.000	50.000			20.000	20.000	150	150	UBND huyện Như Thanh	
16	Nâng cấp, cải tạo đường Xuân Tín - Quảng Phú, huyện Thọ Xuân.		54.900	51.900			25.000	25.000	150	150	UBND huyện Thọ Xuân	
17	Đường giao thông từ La Hán xã Ban Công đi Thiết Giang xã Thiết Ống, huyện Bá Thước.		95.300	95.300			45.000	45.000	200	200	UBND huyện Bá Thước	
18	Đường giao thông từ xã Xuân Cẩm đi Lương Sơn, huyện Thường Xuân.		119.400	119.400			50.000	50.000	200	200	UBND huyện Thường Xuân	
19	Nâng cấp trạm bơm tưới xã Vĩnh Hùng, huyện Vĩnh Lộc.		82.000	82.000			35.000	35.000			UBND huyện Vĩnh Lộc	
20	Nâng cấp, sửa chữa đảm bảo an toàn một số cụm hồ đập trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.		150.000	150.000			60.000	60.000	200	200	Sở Nông nghiệp và PTNT	
21	Đường giao thông từ xã Phú Sơn đi xã Các Sơn, huyện Tĩnh Gia.		168.800	168.800			60.000	60.000	250	250	UBND huyện Tĩnh Gia	
22	Cải tạo, nâng cấp và hoàn thiện mặt cắt đê tả sông Mậu Khê (đoạn Thiệu Long - Thiệu Duy - Thiệu Hợp), huyện Thiệu Hóa.		50.000	50.000			35.000	35.000	150	150	UBND huyện Thiệu Hóa	
23	Trụ sở làm việc UBND - HĐND huyện Đông Sơn.		40.000	40.000			30.000	30.000			UBND huyện Đông Sơn	
24	Đường nối Khu di tích Lam Kinh với đường Hồ Chí Minh.		30.000	30.000			20.000	20.000	100	100	Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch	
25	Nâng cấp, cải tạo đường giao thông Nga Tân - Nga Tiến, Nga Thái, huyện Nga Sơn.		25.000	25.000			17.645	17.645			UBND huyện Nga Sơn	

* Ghi chú: (1) Chỉ tính nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí